

Bản án số: **03/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 25-8-2025
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Khel.
2. Ông Trần Giáp Long.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Thành Công, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 – Cần Thơ, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025, về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 261/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

– *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị N, sinh năm 1975 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Nay là địa chỉ: Số A, đường V, Phường S, Thành phố Cần Thơ.

– *Bị đơn:* Ông Bùi Thanh S, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Số A, đường V, Phường S, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Nay là địa chỉ: Số A, đường V, Phường S, Thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

– *Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Võ Thị Nhanh trình bày:* Bà Võ Thị N và ông Bùi Thanh S chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường G, thị xã S, tỉnh Sóc Trăng ngày 10/4/2006. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Gần đây bà N phát hiện ông S có mối quan hệ tình cảm với người khác, ông S đã đánh bà N và đập phá đồ đạc trong nhà nhiều lần.

Thời kỳ hôn nhân bà Nhanh và ông S có 02 người con chung là: Bùi Thanh H, sinh ngày 02/02/1997 và Bùi Thanh H, sinh ngày 14/02/2007. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Về nợ chung: Không có.

Nay bà Võ Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau: Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Thanh S. Về con chung: Hai con chung tên Bùi Thanh H, sinh ngày 02/02/1997 và Bùi Thanh H, sinh ngày 14/02/2007 đã trên 18 tuổi, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận,

không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

– *Bị đơn ông Bùi Thanh S trình bày:* Ông Bùi Thanh S thống nhất với lời trình bày của bà Võ Thị N về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn, con chung đúng như bà N trình bày. Tại “Bản trình bày ý kiến” đề ngày 19/5/2025 thì ông S đồng ý ly hôn với bà N. Tại phiên toà ông S muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với bà N nên không đồng ý ly hôn. Hai con chung là Bùi Thanh H, sinh ngày 02/02/1997 và Bùi Thanh H, sinh ngày 14/02/2007 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Ông S và bà N có tài sản chung và nợ chung, trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông S sẽ thoả thuận lại với bà N, nếu không thoả thuận được thì ông S sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng nguyên đơn bà Võ Thị N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị N, nhận thấy bà N và ông S tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường G, thị xã S, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33/2006 ngày 10/4/2006. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Nay bà N có nguyện vọng được ly hôn với ông S. Tại “Bản trình bày ý kiến” đề ngày 19/5/2025 do ông S gửi qua dịch vụ bưu chính ông S đồng ý ly hôn với bà N. Tại phiên toà ông không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn tình cảm với bà N, muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng, tuy nhiên theo ý kiến bà N tại Bản từ khai ngày 09/6/2025 thì bà Nhanh vẫn cương quyết xin được ly hôn với ông S. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông S.

[3] Về con chung: Bà N và ông S thống nhất xác định trong thời gian chung sống, bà N và ông S có hai người con chung là: Bùi Thanh H, sinh ngày 02/02/1997 và Bùi Thanh H, sinh ngày 14/02/2007. Hiện hai con chung đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà N trình bày tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết. Tại phiên toà, ông S trình bày trong thời kỳ hôn nhân bà N và ông S có tài sản chung, nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông S sẽ thoả thuận lại với bà N, trường hợp không thoả thuận được thì ông S sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà N trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết. Tại phiên toà ông S trình bày có nợ chung, sẽ thoả thuận lại với bà N, trong hợp không thoả thuận được thì ông S sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Bà Võ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị N được ly hôn với ông Bùi Thanh S.

- Về con chung: Hai con chung là Bùi Thanh H, sinh ngày 02/02/1997 và Bùi Thanh H, sinh ngày 14/02/2007 hiện đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Võ Thị N và ông Bùi Thanh S không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Bà Võ Thị N và ông Bùi Thanh S không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Võ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nhanh đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000267, ngày 18/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Võ Thị N đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm.

Ông Bùi Thanh S không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

****Nơi nhận:***

- Đường sự;
- VKSND KV5- CT;
- UBND P.Sóc Trăng, TPCT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Chiêm Ngọc Linh